



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN ĐẶC QUÊ
Last Middle First

Current Address: LÔ R 111 C/P Ngã Gia Tự TP Hồ Chí Minh VN

Date of Birth: 10/10/30 Place of Birth: Huế

Previous Occupation (before 1975) Lt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/06/75 To 08/28/80
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Saigon, Jan 1st, 1989

FROM : NGUYEN BAC QUE
16 B-111 Apt (e/c) NGO GIA TU Q.10
HOCHIMINH CITY - SOUTH VIETNAM -

TO : MRS. KHUC MINH THO
P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA 22205 - 0635 - U.S.A -



SUBJECT: Letter for Immigration to the United States of America under the C.B.F.

Dear Sir,

I, the undersigned : NGUYEN BAC QUE, serial number : 90/600.194, date and place of birth : 10 October 1930 at Hue, in Central Vietnam, nationality : Vietnamese - sex : Male - Religion : Buddhist - home address : 16 B-111 Apt (e/c) Ngo Gia Tu, Q.10, Hoehiminh city, last rank : Lieutenant (The Officer of the Vietnam Air Force).
In my memory, I only remember that : Following is my Personal record :
Current Occupation : Help my wife as seller at home.

Period	Rank	Profession	Unit	Commander	Location
24 March 1953	E-2	Aereal photo Lab.	Air training	Hj. 15 V25 341	Phu Trung
			Center	LA. Col. GANNETT	Airfield
				(Frontman)	
1954 - 1957	E-4	Photo Interpretation		Hj. 16 V25 141	NSC Armed Forces
		(P.I)	Attachment to:	(Army Det. Office)	
			G-2 Joint Staff		
1957 - 1960	E-6	P.I.		NSC Air Forces Brig. Gen. TRAN VAN MINH	
	(S.2gt)				Tan Son Nhut Airfield
1960 - 1961				NSC WAF	
1961 - 1965	E-7			T.A.C.C (Tactical Aereal Combined Center)	
				WAF	
1965 - 1968	SP-4				
	E-9				
	To aspirant			COLLEGE DA TIEU Tan Son Nhut	
					Airfield
Feb.1970 to 4-70	Candidate Gay Mai	(NID School)			Gay Mai NID
				Class 67/1970: Hj. TRAN NGOC MINH	Center
1970 - 1975	Lieutenant Duty Officer		NID 9th Division	WAF Brig.Gen. PHAM PHUNG TIEN	

(re-education camp)
Prisoner of war period : 6 May 1975 to 25th August 1980 - released (5 years 3 months)
I has already to send many times my letter for ODP to Thailand but I didn't have received my news from Your Office.

I am filling this name for the following relatives still in Vietnam with us to come to U.S.A. Under the CBF purpose.

.....2/.....

00

NAME	:	SEX	:	DOB / POB	:	RELATIVE	:	ADDRESS IN VIETNAM
1- NGUYEN DUC QUE	:	Male	:	10-10-1930 at Hue	:	Principal	:	(c/c) Ngo Gia Ty
	:		:		:	applicant	:	10 B-111 Apt -Q.10
2- NGUYEN THI MINH HUONG	:	Female	:	5-10-1936 at Hue	:	Wife	:	as above
3- NGUYEN DUC TU (TÚ)	:	Male	:	18-11-1965 at ^{SAIGON} Hue	:	Son	:	as above
4- NGUYEN DUC TU (TÚ)	:	Male	:	14-10-1967 at ^{SAIGON} Hue	:	Son	:	as above
5- NGUYEN DUC PHUC	:	Male	:	24-09-1969 at ^{SAIGON} Hue	:	Son	:	as above
6- NGUYEN DUC PHU	:	Male	:	04-07-1975 at ^{SAIGON} Hue	:	Son	:	as above

With your powerful abilities , I would like you give my name and my family an Immigrant Visa, Visa Entry Working List and Letter of Introduction.

Your fast consideration will save me from a difficult situation and will back a hope in the future purpose of seeking a new life.

I am waiting anxiously for your positive reply.

Every year, I have sending too many letters to IDC - ONP. Thailand - for an immigrant visa of my family as an political prisoner , but until now, I don't have received any news from this Office.

Respectfully yours,



NGUYEN DUC HUE

ENCLOSURES:

- 1- Copy of my release certificate
- 2- Family pictures
- 3- Copy of family register
- 4- Copy of my ID card.

FAMILY REGISTERS
BEFORE April 30th 1975

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

TỜ KHAI GIA-ĐÌNH

QUẬN Mười
PHƯỜNG Minh Mạng
KHOM 3 LIÊN-GIA (+)
SỐ NHÀ 111 LÔ R
ĐƯỜNG Hoa Hảo (chung cư Minh Mạng)

HỌ VÀ TÊN GIA-TRƯỞNG NGUYỄN-ĐẮC-QUẾ

Saigon, ngày 10 tháng 04 năm 1972

CIA - TRƯỞNG,

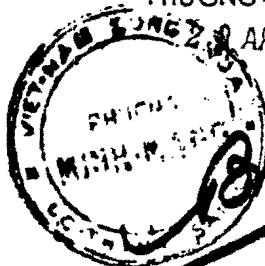
(Ký tên)

Chứng nhận có cho ở đâu:
(dành cho tờ khai của gia đình ở đâu)
CHU NHÀ,

[Signature]

Kiểm thị:
LIÊN-GIA-TRƯỞNG,

Kiểm thị:
PHƯỜNG-TRƯỞNG



Kiểm nhận:

TRƯỞNG-TY CẢNH-SÁT,

Bùi - Ngọc - Ân

(+) ~~Đ~~ dành để đóng dấu hâu, phân biệt tờ khai của chủ nhà hay của gia-đình ở đâu.
XIN CHÚ Ý.— Gia-trưởng có bổn phận phải khai báo mỗi khi có thêm bớt người
trong gia-đình để tờ khai này luôn luôn được cập-nhật-hóa.
(Xin xem lời chỉ dẫn nơi trang 4)

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN (gia-trưởng ghi trước)	Quốc-tịch	Ngày, tháng, năm và nơi sinh	Nghề-nghiep	Số, ngày và nơi cấp thẻ căn-cước	Tên-họ gia-dinh	CƠ CẤU CHỨC
1	NGUYỄN-ĐẮC-QUÊ	VN	10-10-1930 tại Huế	Quân nhân	03511096 29-12-69 Quân 10 Sg	Chông	
2	NGUYỄN-Hi-Minh-Hương	vt	05-10-1936 'Huế'	Nô' trô	00928076 16-7-69 Quân 5 Sg	Vô	
3	NGUYỄN-Hi-Phi	"	15-12-1956 Sg	Học sinh	09605395 20-7-77	Còn	
4	NGUYỄN-Hi-Diên-Hồng	"	21-11-1957 -"	"	Quân 10 Sg	"	
5	NGUYỄN-ĐẮC-QUANG	"	04-09-1959 -"	"	"	"	
6	NG-Hi-Minh-Thiên	"	21-07-1961 -"	"	"	"	
7	NGUYỄN-ĐẮC-TUÂN	"	15-12-1963 -"	"	"	"	
8	NGUYỄN-ĐẮC-TÚ	"	28-11-1965 -"	"	"	"	
9	NGUYỄN-ĐẮC-TÚ	"	14-10-1967	Trẻ em	"	"	
10	NGUYỄN-ĐẮC-Phúc	"	24-09-1969	"	"	"	
11	HÀ-Hi-Mai	"	1915 Phan Li' Huế	Nô' trô	03511098 29-12-69 Quân 10 Sg	Đi	
12	NGUYỄN-Hi-Hoa	"	08-05-1944 Huế	Công chức	02213711 27-1-69 Ty CSQG-DANANG	Em Vô	
13	NGUYỄN-CHẤT	"	20-03-1968 Huế	Trẻ em	"	Cháu	
14	NGUYỄN-VŨ	"	08-02-1970 Đà Nẵng	"	"	"	

LỜI CHỈ DẪN VỀ THẺ LỆ KHAI GIA-ĐÌNH CHO CÁC GIA-TRƯỞNG GHI NHỚ ĐỀ THI-HÀNH

- 1.— Khi di-chuyển cá nhân hay trọn gia-đình đi ở nơi khác, Gia-trưởng phải khai báo cho Liên-gia-trưởng và Phường-trưởng biết và xin giấy chứng nhận di-chuyển tại Ty Cảnh-sát Quốc-gia nơi cư-ngụ.
- 2.— Khi đến nơi cư-ngụ mới, phải trình báo cho Liên-gia-trưởng và Phường trưởng và lập tờ khai gia-đình mới, nộp cho Ty Cảnh-sát Quốc-gia sở tại.
- 3.— Khi có thân nhân đến tạm trú :
 - a) Từ 7 ngày trở lại : Gia-trưởng phải làm 1 bản đơn theo mẫu, trình Liên-gia-Trưởng chiếu nhận xong giữ bản này để xuất trình mỗi khi nhà chức trách xét hỏi. Có thể nộp bản sao giấy phép đi đường của nhà chức trách nơi đi cấp thay đơn khai tạm trú. (Trong giấy phép đi đường phải ghi địa chỉ tạm trú tại Sài Gòn).
 - b) Từ 3 ngày đến 3 tháng : Gia-Trưởng phải làm đơn (2 bản) trình Liên-gia-trưởng kiểm nhận xong mang đến trình Chi (hay Ty) Cảnh Sát sở tại. Cơ quan này sẽ giữ 1 bản, trao lại cho đương sự 1 bản để xuất trình mỗi khi nhà chức trách xét hỏi. Có thể nộp bản sao giấy phép đi đường của nhà chức trách nơi đi cấp thay đơn khai tạm trú.
 - c) Trên 3 tháng : Gia-Trưởng phải làm tờ khai xin ghi tên đương sự vào Tờ khai gia đình theo thẻ lệ như người cư ngụ vĩnh viễn (xem thêm điểm 4).
- 4.— Khi có thân-nhân đến cư-ngụ vĩnh-viễn : Gia-trưởng phải làm tờ khai thêm người, kèm theo giấy chứng nhận di-chuyển vĩnh-viễn của nhà chức trách nơi đi cấp, trình Liên-Gia-Trưởng, Phường Trưởng kiến thị trước khi đem đến Ty Cảnh-Sát Quốc-Gia sở tại kiểm nhận, và ghi thêm tên người đến vào tờ khai gia đình.
- 5.— Khi thu nhận 1 người giúp việc trong nhà : Gia trưởng phải làm tờ khai thành 3 bản ghi rõ lý lịch của người giúp việc đem trình Liên gia trưởng và Ty Cảnh-Sát Quốc gia sở tại để kiến thị. Ty Cảnh sát giữ 1 bản, Liên-gia trưởng 1 bản và Gia Trưởng 1 bản. Tuy nhiên, nếu Gia trưởng biết chắc chắn gia nhân sẽ giúp việc lâu dài cho mình, thì Gia trưởng có thể xin ghi thêm tên gia nhân đó vào tờ khai gia đình như trường hợp có thân nhân đến cư trú vĩnh viễn.
- 6.— Gia Trưởng hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự khai thêm tên hoặc bớt tên trong Tờ khai gia đình hoặc khai thêm hay bớt những gia đình ở dưới cùng nhà. Những gia trưởng không khai báo khi có sự thay đổi số người trong gia đình hoặc khai báo không thành thật sẽ bị trừng phạt và có thể bị truy tố theo hình luật chiếu Nghị Định số 353. BN/HC/NĐ ngày 30-6-1958.

IDENTIFICATION CARD

("I.D. CARD")

AFTER April, 30th, 1975.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022325046

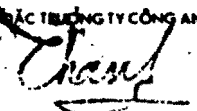
Họ tên: NGUYỄN ĐẮC QUẾ

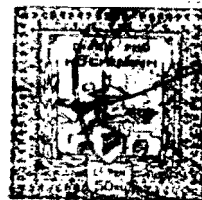
Sinh ngày: 10-10-1930

Nguyên quán: Bình Trị Thiên

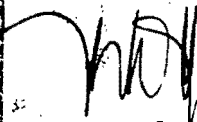
Nơi thường trú: 11^R Ngõ Gia Tự

P.2, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật	
 NGÓN TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Vết rập c, tem dưới dấu sau mắt phải
	Ngày 7 tháng 7 năm 1907 KÍ/GIÁM ĐỐC TRẮC THƯỜNG TỶ CÔNG AN  Vo Viet Chanh
 NGÓN BỎ PHẢI	



ỦY VIÊN THỊT KÝ


 90.10.1907

BO' NOI VU
Trại: Tân Lập.
Số: 5/CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001
QLTG Bn h
Theo công v
Số 2565 ng
21/11/ 1972

Số HS/LĐ

GIẤY RA TRAI

Theo thông tư số 966-BGA/TT ngày 21 tháng 6 năm 1961 của Bộ
nội Vụ :

Thị hành án văn, quyết định tha số 107 ngày 15 tháng 8 - 1980
năm của ĐO HOI VU

Nay cấp giấy, tha cho anh, chỉ có tên sau đây :

Họ, tên khai sinh : Nguyễn Bắc Quế

Họ, tên thường gọi _____

Ho, tên bídanh : _____

Sinh ngày _____ tháng _____ năm 1930

Họ và tên : Trần Văn
 Nơi sinh : Thị trấn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

1118 Công cụ minh họa: Sách 10 Hồ Chí Minh

Cán tội : Trưng úy sĩ quân lương bảo

Bi bắt ngày 6 - 3 - 1975 Ấn phát

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án, lần. Công thành năm

Đã được làm an
lên công thành
thành

Nay về cư trú tại: 1112 Công cơ minh' sang Quận 10 Hồ Chí Minh

Nhân xét quá trình cải tạo

Lăn tay ngón trở phải

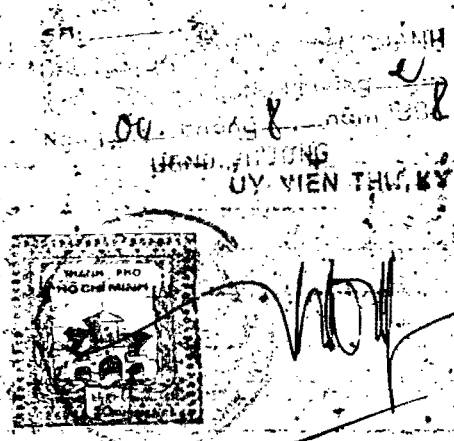
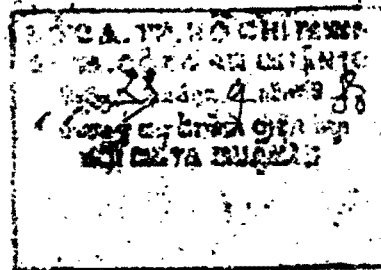
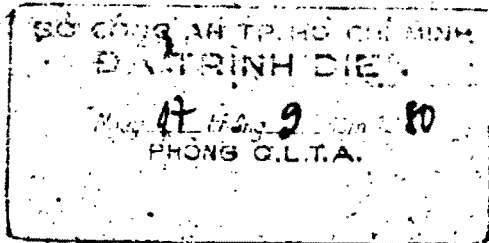
Họ và tên: Nguyễn Đức Quý / ngày tháng năm: 10/05/2010

Danh bản số: 006/04 nơi gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Lập lại: Tân Viên

NUMBER = 012-011

Đại úy: Phan Thanh Liêm



Xác nhận

Đ/sd có đến mức
điều tại phụ lục 2. Q.10



Trưởng phòng

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 65.2446 CN

Họ và tên chủ hộ : NGUYỄN THỊ MINH HƯỜNG

Ấp, ngõ, số nhà : 111 L. (P)

Thị trấn, đường phố : 41 cũ Ngõ Gia Tân

Xã, phường : 02

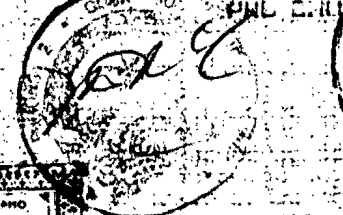
Huyện, quận : Mười

CHỨNG NHẬN GIỐNG DÂN TẠNG

Ngày 10 tháng 02 năm 1982

Thị trấn 24 tháng 12 năm 1982

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



PHÓ CÔNG AN QUẬN 10

Tham gia Đất



1964

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01.	Nguyễn Thị Minh Hương	chủ hộ	nữ	05.10.76	02.06.84.32.2	kinh bán	01.10.76	Đã đi 02	Đã đi 06.10.76
02.	Nguyễn Đức Tuấn	con	nam	15.12.63	02.06.84.32.1	lực sinh	01.10.76	Đi NVCS 8.88	Đi NVCS 06.10.76
03.	Nguyễn Đức Tài	con	nam	28.11.65	02.06.84.32.4	lực sinh	01.10.76	Đi NVCS 8.88	Đi NVCS 06.10.76
04.	Nguyễn Đức Tài	con	nam	14.10.67	02.06.84.32.6	lực sinh	01.10.76	Đi NVCS 8.88	Đi NVCS 06.10.76
05.	Nguyễn Đức Phúc	con	nam	24.10.69		lực sinh	01.10.76	Đi NVCS 8.88	Đi NVCS 06.10.76
06.	Nguyễn Đức Phúc	con	nam	04.07.73		lực sinh	01.10.76	Đi NVCS 8.88	Đi NVCS 06.10.76
07.	NGUYỄN ĐẶC QUANG	con	nam	14.09.59	02.06.84.32.3		14.10.82	Đi NVCS 8.88	Đi NVCS 06.10.76
08.	Nguyễn Đức Tuấn	con	nam	1965			13.11.82	Đi NVCS 8.88	Đi NVCS 06.10.76
09.	Nguyễn Đức Tuấn	chồng	nam	1930	02.23.50.46		28.11.85	Đi NVCS 8.88	Đi NVCS 06.10.76
10.	Nguyễn Đức Tài	con	nam	1965			15.11.88	Đi NVCS 8.88	Đi NVCS 06.10.76

SAIGON, 9th Jan. 1989.

Kính gửi Bà: KHUẾ-MINH-THO.

Tôi tên là: Nguyễn Đắc Quê'
 SQ: 50/600.154. Ngày và nơi sinh:
 10/10/1930 tại Huế (Thừa Thiên) Việt Nam
 Địa chỉ: 111 Lô R chung cư Ngõ gia Tà
 P.2. Quận 10 TP. Hồ Chí Minh South Vietnam

Vừa nhận được địa chỉ của Bà,
 do người bạn cho biết, Kính nhờ Bà giúp
 đỡ và chuyển đơn đến Hội để 'sơn đất'
 được kết quả như ý sở nguyện ra đi theo diện COP

Nhân dịp năm mới Xuân Kỷ Tỵ
 1989. Tôi Kính chúc Bà và gia quyến
 cùng quý Hội một năm mới được
 nhiều tháng lợi vui vẻ và hạnh phúc.

Kính thư.

Quê'

Nguyễn Đắc Quê'

FAMILY PICTURES OF MY WIFE AND SONS.



NGUYỄN-THỊ
MINH-HƯỜNG (VỢ)



NGUYỄN ĐẮC TÚ
(CON)



NGUYỄN ĐẮC TỬ
(CON)



NGUYỄN-ĐĂNG-
PHÚC
(CON)

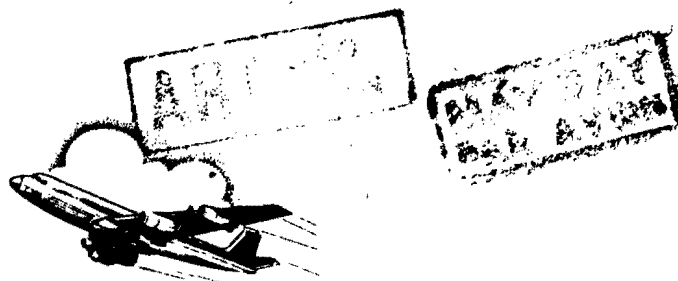


NGUYỄN-
ĐẮC-PHÚ
(CON).

From: NGUYEN-DAC-QUE
LOR 111 Apt.(c/c) Ngo-Gia-Thi C.10
Ho-Chi-Minh City South Vietnam

A.

FEB 01 1989



TO: MRS. KHUC MINH THO

P.O. BOX 5435

ARLINGTON VA 22205 - 0635 -

U.S.A

PAR AVION VIA AIR MAIL

C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership; Letter

VN 06/27/89